

Số: 366/QĐ-ĐHHD

Hải Dương, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Hải Dương

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-TTg ngày 26/7/ 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương; Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương thành Trường Đại học Hải Dương; Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hải Dương;

Theo đề nghị của Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế, mã ngành 8310110 của Trường Đại học Hải Dương (có Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành thay thế các quyết định trước đây về ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Trường Đại học Hải Dương;

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Khoa.KT-QT, Phòng ĐTSĐH.



TS. Tạ Thị Thúy Ngân



**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**
Mã số: 8310110

(Ban hành kèm theo Quyết định số **366** /QĐ-ĐHHD ngày **31** tháng **5** năm 2024
của Trường Đại học Hải Dương)

Tên chương trình đào tạo tiếng Việt	: Thạc sĩ Quản lý kinh tế
Tên chương trình đào tạo tiếng Anh	: Master of Economic Management
Trình độ đào tạo	: Thạc sĩ
Định hướng	: Ứng dụng
Ngành đào tạo	: Quản lý kinh tế
Mã ngành	: 8310110
Chuyên ngành đào tạo	: Quản lý kinh tế

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng, giúp học viên có kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế;

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế có khả năng làm việc độc lập, đủ năng lực để giải quyết các vấn đề chuyên môn có độ phức tạp cao tại cơ quan nhà nước, đơn vị, doanh nghiệp; Có năng lực tổ chức, quản lý điều hành; Có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể (PG)

a) Mục tiêu kiến thức

PG1: Đào tạo các nhà quản lý kinh tế nắm vững tri thức ngành quản lý kinh tế để có thể nghiên cứu, giảng dạy và làm việc trong các cơ quan, tổ chức kinh tế từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Có khả năng tổ chức quản lý kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế và tổ chức tư vấn tại các đơn vị và tổ chức khác. Nắm vững tri thức về triết học cũng như quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về kinh tế.

b) Mục tiêu kỹ năng

PG2: Người học sau khi tốt nghiệp có các kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá,

nghiên cứu vấn đề và xử lý các tình huống quản lý kinh tế nảy sinh trong thực tiễn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp; Dự báo, phản biện, hoạch định, tổ chức, quản lý các kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách kinh tế tại các cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực và tại doanh nghiệp; Thảo luận, giao tiếp và làm việc nhóm; Có kỹ năng viết, trình bày và phản biện báo cáo, đề án, tình huống thuộc lĩnh vực chuyên môn; Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế; Có thể làm việc độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý kinh tế.

c) Thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

PG3: Có ý chí vượt khó, tinh thần tích cực; Có đủ năng lực làm việc độc lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc phụ trách; Có tư tưởng chính trị ổn định, có chứng kiến; Hiểu biết và chấp hành luật pháp và qui định của tổ chức; Có khả năng phát triển bản thân và tự thích nghi với sự thay đổi của môi trường; Có sức khỏe tốt để làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế bậc thạc sĩ theo định hướng ứng dụng gồm 11 chuẩn đầu ra (PLO). Học viên tốt nghiệp phải đạt các yêu cầu năng lực sau đây:

2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

a) Kiến thức chung

- **PLO1:** Hiểu được thế giới quan, phương pháp luận duy vật biện chứng, các quy luật và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các học phần khác. Có phương pháp luận và khả năng nghiên cứu, tư duy logic, phân tích, giải quyết được những vấn đề mới trong lĩnh vực quản lý, kinh tế, quản trị về cả lý luận và thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của Việt Nam và thế giới ngày nay.

b) Kiến thức cơ sở ngành

PLO2: Có kiến thức cơ bản về nguyên lý quản trị, kinh tế và quản lý gồm kinh tế học nâng cao, khoa học quản lý, kinh tế quốc tế v.v; Hiểu và vận dụng dụng các qui định pháp luật của nhà nước về kinh tế, kinh doanh; Vận dụng các quy luật kinh tế, kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế để giải quyết những tình huống cụ thể.

b) Kiến thức chuyên ngành

- **PLO3:** Hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về quản lý kinh tế trong thực tiễn như: Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý thuế, Quản lý tài chính công, Quản lý dự án đầu tư, Phân tích Kinh tế - Tài chính; Quản lý nhà nước về kinh tế, Quản lý thương mại quốc tế, Quản lý tài sản công, Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ v.v.

- **PLO4:** Đánh giá được thực trạng và những vấn đề, tình huống phát sinh trong thực tiễn, áp dụng kiến thức quản lý kinh tế, đồng thời có khả năng sử dụng sáng tạo các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường luôn thay đổi.

2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

a) Kỹ năng hoạch định, tư vấn

PLO5: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, phản biện, hoạch định, tư vấn xây dựng, phối hợp đưa ra các quyết định để giải quyết, ứng biến các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý kinh tế; Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, thẩm định kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong công tác quản lý và hoạt động chuyên môn; Đề xuất các giải pháp để giải quyết các vấn đề chuyên môn về quản lý kinh tế.

b) Kỹ năng lãnh đạo, điều hành tổ chức

PLO6: Có kỹ năng lãnh đạo, tổ chức và điều hành đơn vị; Kỹ năng tổ chức hội họp; Truyền đạt, giới thiệu kiến thức mới về Quản lý kinh tế; Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công liên quan đến quản lý kinh tế.

c) Kỹ năng giao tiếp, thảo luận, báo cáo, làm việc nhóm và tạo dựng các mối quan hệ

PLO7: Đàm phán, diễn thuyết, thảo luận và giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động của lĩnh vực chuyên môn và trong cuộc sống. Xây dựng được các mối quan hệ tốt với đồng nghiệp tại cơ quan và cộng đồng. Quy tụ và điều phối đội nhóm. Có khả năng viết, phản biện và trình bày báo cáo về lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

d) Kỹ năng ngoại ngữ

PLO8: Có khả năng đọc hiểu và trình bày báo cáo chuyên môn về quản lý kinh tế bằng ngoại ngữ. Đạt năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo.

2.3. Chuẩn đầu ra về thái độ, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm

a) Thái độ

PLO9: Cầu thị, ham học hỏi, vượt khó vươn lên trong học tập và công tác; Phần đầu trở thành chuyên gia, cán bộ giỏi và chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế; có trách nhiệm với công việc được giao; Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - văn hóa - xã hội; Thực hiện tốt trách nhiệm công dân và có quan hệ cộng đồng tốt; Chấp hành đường lối, chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, qui định tại nơi làm việc.

b) Mức độ tự chủ

PLO10: Tự định hướng, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức mới về quản trị, quản lý kinh tế. Giải quyết được các vấn đề, tình huống phát sinh trong lĩnh vực chuyên môn một cách khoa học và sáng tạo.

c) Mức độ tự chịu trách nhiệm

PLO11: Có phẩm chất đạo đức của nhà quản lý, tác phong chuyên nghiệp, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có

khả năng quy tụ, dẫn dắt và phát huy trí tuệ và tinh thần tập thể trong công tác quản lý và chuyên môn.

Ghi chú: **Trình độ năng lực đánh giá theo thang năng lực Bloom, cụ thể:**

1- *Chuẩn kiến thức (1-6):* 1- Ghi nhớ; 2- Hiểu; 3- Áp dụng; 4- Phân tích; 5- Đánh giá; 6- Sáng tạo

2 - *Chuẩn kỹ năng (1-5):* 1- Bắt chước; 2- Làm được; 3- Chính xác; 4- Phối hợp; 5- Thuần thục.

3 - *Chuẩn mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm (1-5):* 1- Tiếp nhận; 2- Đáp ứng; 3- Đánh giá thảo luận; 4- Tổ chức thực hiện; 5- Đặc trưng hóa.

3. Thời gian đào tạo: Từ 20 đến 24 tháng

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ

4.1. Số học phần phải tích lũy: 21 học phần

4.2. Số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ.

- Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và kiến thức ngành: 39 tín chỉ, trong đó:

+ *Bắt buộc:* 21 TC (*kiến thức cơ sở:* 2 HP (5 TC); *kiến thức ngành:* 5 HP (16 TC)

+ *Tự chọn:* 18 TC (*kiến thức cơ sở:* 3 HP 6 TC; *kiến thức ngành:* 6 HP 12 TC)

- Thực tập: 6 TC

- Đề án tốt nghiệp: 9 TC. Đề tài đề án tốt nghiệp thạc sĩ do học viên đề xuất phù hợp với định hướng chuyên sâu của các học phần ngành bắt buộc.

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo qui chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Hải Dương.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Theo qui chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và qui định của Trường Đại học Hải Dương về đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Hoàn thành các học phần thuộc chương trình đào tạo.

- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ngày 30 tháng 8 năm 2021.

- Có đủ điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Hải Dương và bảo vệ đề án đạt yêu cầu.

- Bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt yêu cầu.

7. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ theo hướng ứng dụng,

người học có khả năng đảm nhận các vị trí công việc tại đơn vị, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước, các trường đại học, các viện nghiên cứu cụ thể:

- Làm chuyên viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, bộ, sở ban ngành, đơn vị hành chính sự nghiệp và địa phương, doanh nghiệp liên quan đến quản trị, quản lý kinh tế; tổ chức, hoạch định, xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế; quản lý thương mại; quản lý tài sản công, quản lý thuế v.v.

- Làm chuyên gia tư vấn, phân tích và thực thi chính sách cho các doanh nghiệp, cơ quan quản lý, trên cơ sở đó tư vấn giúp các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đúng các chủ trương, chính sách kinh tế của nhà nước.

- Làm giảng viên giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học khối ngành Kinh tế, Quản trị.

- Tự thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp: Học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ ở bậc tiến sĩ khối ngành Kinh tế, Quản lý tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài; Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức mới và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí và môi trường công tác cụ thể.

8. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Hải Dương

9. Nội dung chương trình

9.1. Cấu trúc kiến thức

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức chung	06
II	Kiến thức cơ sở	11
	2.1. Học phần bắt buộc	5
	2.2. Học phần tự chọn	6
III	Kiến thức ngành	43
	3.1. Học phần bắt buộc	16
	3.2. Học phần tự chọn	12
	3.3. Thực tập	6
	3.4. Đề án tốt nghiệp	9
Tổng số học phần/tín chỉ		21/60

9.2. Khung chương trình đào tạo

9.2. Khung chương trình đào tạo						
Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Mã hiệu	Số hiệu		Tổng số	LT	TL/TT /TH
I	Khối kiến thức chung:			6	3	3
1	TH	501	Triết học	4	2	2
2	PPNC	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
II	Khối kiến thức cơ sở:			11	6	5
2.1	Học phần bắt buộc:			5	3	2
1	KTVM	503	Kinh tế vĩ mô nâng cao	2	1	1
2	KHQL	504	Khoa học quản lý	3	2	1
2.2	Học phần tự chọn: (chọn 3/9 học phần)			6	3	3
1	TACN	505	Tiếng Anh chuyên ngành	2	1	1
2	KTCC	506	Kinh tế công cộng	2	1	1
3	KTQT	507	Kinh tế quốc tế	2	1	1
4	KTPT	508	Kinh tế phát triển	2	1	1
5	KTĐT	509	Kinh tế đầu tư	2	1	1
6	KTL	510	Kinh tế lượng	2	1	1
7	QTCL	511	Quản trị chiến lược	2	1	1
8	LKT	512	Luật kinh tế	2	1	1
9	QTH	513	Quản trị học nâng cao	2	1	1
II	Khối kiến thức ngành			28	15	13
3.1	Học phần bắt buộc:			16	9	7
1	QLNN	514	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	1
2	DADT	515	Quản lý dự án đầu tư	3	2	1
3	QTDN	516	Quản trị doanh nghiệp	3	2	1
4	QLTCC	517	Quản lý tài chính công	2	1	1
5	PTKT	518	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3	2	1
6	CĐTT	519	Chuyên đề thực tế	2		2
3.2	Học phần tự chọn: (chọn 6/10 học phần)			12	6	6

Số TT	Mã học phần		Tên học phần	Khối lượng (Tín chỉ)		
	Mã hiệu	Số hiệu		Tổng số	LT	TL/TT/TH
1	TCTT	520	Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ	2	1	1
2	QLT	521	Quản lý thuế	2	1	1
3	QLTSC	522	Quản lý tài sản công	2	1	1
4	QLNNL	523	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực	2	1	1
5	QLDL	524	Quản lý nhà nước về du lịch	2	1	1
6	QLNT	525	Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	1	1
7	QLTN	526	Quản lý tài nguyên và môi trường	2	1	1
8	QLKH	527	Quản lý khoa học và công nghệ	2	1	1
9	QLTM	528	Quản lý thương mại quốc tế	2	1	1
10	TLLĐ	529	Tâm lý lãnh đạo quản lý	2	1	1
3.3	TT	530	Thực tập	6		6
3.4	ĐATN	531	Đề án tốt nghiệp	9		9

(Ghi chú: LT - Lý thuyết; TL/TT/TH - Thảo luận/Thực tế/Thực hành)

9.3. Kế hoạch đào tạo dự kiến

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế thực hiện từ 20 - 24 tháng với 04 kỳ học. Mỗi kỳ thực hiện khoảng từ 14 - 16 tín chỉ.

TT	Tên học phần	Số TC	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4
I	Khối kiến thức chung:	6				
1	Triết học	4	4			
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2			
II	Khối kiến thức cơ sở:	12				
2.1	Học phần bắt buộc	5				
3	Kinh tế vĩ mô nâng cao	2	2			
4	Khoa học quản lý	3	3			

2.2	Học phần tự chọn: (chọn 3/9 học phần)	6				
5	Học phần tự chọn 1	2	2			
6	Học phần tự chọn 2	2	2			
7	Học phần tự chọn 3	2		2		
III	Khối kiến thức ngành:	29				
3.1	Học phần bắt buộc	16				
8	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		3		
9	Quản lý dự án đầu tư	3		3		
10	Quản trị doanh nghiệp	3		3		
11	Quản lý tài chính công	2		2		
12	Phân tích Kinh tế - Tài chính	3			3	
13	Chuyên đề thực tế	2		2		
3.2	Học phần tự chọn: (chọn 6/10 học phần)	12				
14	Học phần tự chọn 1	2			2	
15	Học phần tự chọn 2	2			2	
16	Học phần tự chọn 3	2			2	
17	Học phần tự chọn 4	2			2	
18	Học phần tự chọn 5	2			2	
19	Học phần tự chọn 6	2			2	
3.3	Thực tập	6				6
3.4	Đề án tốt nghiệp	9				9
Tổng Số học phần/Số tín chỉ		21/60	6/15	6/15	7/15	2/15

9.4. Ma trận chuẩn đầu ra - Học phần

Học phần	CHUẨN ĐẦU RA										
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
TH-501	x						x		x	x	x
PPNC-502	x				x		x		x	x	x
KTVM-503		x			x		x		x	x	x
KHQL-504		x			x	x	x		x	x	x
TACN-505		x			x		x		x	x	x
KTCC-506		x			x		x		x	x	x
KTQT-507		x			x		x		x	x	x
KTPT-508		x			x		x		x	x	x
KTĐT-509		x			x		x		x	x	x
KTL-510		x			x		x		x	x	x
QTCL-511		x			x		x		x	x	x
LKT-512		x			x		x		x	x	x
QTH-513		x			x		x		x	x	x
QLNN-514			x	x	x	x	x		x	x	x
DADT-515			x	x	x	x	x		x	x	x
QTDN-516			x	x	x	x	x		x	x	x
QLTCC-517			x	x	x	x	x		x	x	x
PTKT-518			x	x	x		x		x	x	x
CĐTT-519			x	x	x	x	x		x	x	x
TCTT-520			x		x	x	x				
QLT-521			x	x	x	x	x		x	x	x
QLTSC-522			x	x	x	x	x		x	x	x
QLNNL-523			x	x	x	x	x		x	x	x
QLDL-524			x	x	x		x		x	x	x
QLNT-525			x	x	x		x		x	x	x
QLTN-526			x	x	x		x		x	x	x
QLKH-527			x	x	x	x	x		x	x	x
QLTM-528			x	x	x	x	x		x	x	x
TLLĐ-529			x	x	x	x	x		x	x	x
TT-530			x	x	x	x	x		x	x	x
ĐATN-531			x	x	x	x	x		x	x	x

10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

10.1. Triết học nâng cao

Triết học là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Tạo phong kiến thức rộng để học viên nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế.

Nội dung cơ bản của học phần: Giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; Thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; Bản thể luận; Phép biện chứng; Nhận thức luận; Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; Triết học chính trị; Ý thức xã hội; Triết học về con người.

Mục tiêu của học phần: Giúp học viên có được kiến thức triết học nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới; Nâng cao năng lực thế giới quan, phương pháp luận của triết học Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

10.2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học là cơ sở phương pháp luận cơ bản để học viên học tập và nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Mục tiêu của học phần: Học phần trang bị cho học viên kiến thức, kỹ năng, phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế, quản trị, ngân hàng, tài chính và kế toán, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, tổ chức thu thập số liệu, thiết kế đo lường và xử lý, phân tích dữ liệu nhằm đánh giá bản chất và quy luật của vấn đề nghiên cứu. Đặc biệt giúp học viên phát triển kỹ năng thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và viết đề án tốt nghiệp.

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Đại cương về phương pháp nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học kinh tế; Trình tự Nghiên cứu khoa học; Đề cương nghiên cứu và các bước chứng minh giả thuyết khoa học; Phương pháp thu thập thông tin và xử lý thông tin; Viết Báo cáo khoa học.

10.3. Kinh tế vĩ mô nâng cao

Vai trò, vị trí của học phần: Kinh tế vĩ mô nâng cao là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Cung cấp kiến thức chuyên sâu về kinh tế vĩ mô mang tính ứng dụng cao vào thực tiễn. Là cơ sở phương pháp luận về kinh tế học trong nền kinh tế thị trường, tạo phong kiến thức rộng để học viên nghiên cứu các học phần khác trong chương trình đào tạo.

Nội dung cơ bản của học phần: Đề cập đến các vấn đề của kinh tế vĩ mô gồm các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua các lý thuyết và mô hình, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở, trên cơ sở đó phát triển nâng cao năng lực vận dụng các nguyên lý căn bản về kinh tế vĩ mô vào thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế.

Mục tiêu học phần: Cung cấp những kiến thức và kỹ năng nâng cao về vận dụng các nguyên lý căn bản về kinh tế vĩ mô vào thực tiễn hoạt động quản lý kinh tế.

10.4. Khoa học quản lý

Vai trò, vị trí của học phần: Khoa học quản lý có tính ứng dụng cao, mang tính liên ngành. Phát triển nhanh cả về cơ sở lý thuyết và cơ sở kỹ thuật, công nghệ. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý. Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Hệ thống và nâng cao các vấn đề lý luận và thực tiễn về bản chất, vai trò, đặc điểm của quản lý, lịch sử tư tưởng quản lý, chức năng của quản lý, các nguyên tắc của quản lý, mục tiêu và động lực trong quản lý, các phương pháp quản lý, các công cụ quản lý, cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin trong hoạt động quản lý, quyết định quản lý, lao động quản lý.

Mục tiêu của học phần: Trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về khoa học quản lý. Sau khi học xong phần này học viên có thể vận dụng kiến thức khoa học quản lý vào thực tiễn, đặc biệt trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước.

10.5. Tiếng Anh chuyên ngành

Vai trò, vị trí của học phần: Tiếng Anh đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống hàng ngày từ việc giao tiếp đến những cơ hội trong học tập, làm việc, mở rộng các mối quan hệ để hợp tác kinh doanh quốc tế. Học viên cao học khi tốt nghiệp phải đạt trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Nội dung cơ bản của học phần trong gồm các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết dành cho người đã đạt trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực tiếng Anh 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Mục tiêu chung của học phần: Giúp học viên đạt được chuẩn ngoại ngữ (tiếng Anh) theo quy định hiện hành. Cụ thể là khi kết thúc học phần, học viên có thể hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu biểu (standard input), rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,...; có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ; có thể viết đơn giản nhưng liên kết các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích

cho ý kiến và kế hoạch của mình.

10.6. Kinh tế công cộng

Vai trò, vị trí của học phần: Nghiên cứu về vai trò, nhiệm vụ và chức năng của Khu vực công, đồng thời cả những phương pháp và nguyên tắc hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế. Bên cạnh đó học phần cung cấp những kiến thức tổng quan để phân biệt về các loại hàng hóa công cộng trong thực tế bao gồm hàng hóa công thuần túy, không thuần túy... làm cơ sở cho sự can thiệp của nhà nước ở các thị trường này. Ngoài ra học phần còn phân tích các vấn đề lựa chọn công, đánh giá các chương trình chi tiêu công cộng của chính phủ, chính sách can thiệp của chính phủ đến lợi ích của người dân và phúc lợi xã hội nói chung. Học phần Kinh tế công cộng là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường về phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội, lựa chọn công cộng, các công cụ chính sách can thiệp của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

Mục tiêu của học phần: Học viên hiểu sâu được những nguyên tắc cơ bản của kinh tế công cộng. Đồng thời cũng trang bị một vài kỹ năng và ứng dụng lý thuyết trong phân tích chính sách làm cơ sở cho việc học các môn học khác ở bậc cao học.

10.7. Kinh tế quốc tế

Vai trò, vị trí của học phần: Kinh tế quốc tế có vai trò quan trọng đối với những người nghiên cứu về kinh tế nói chung, đặc biệt là trong lĩnh vực ngoại thương và kinh tế học phát triển. Với xu thế quốc tế hóa nền kinh tế thế giới hiện nay, Kinh tế quốc tế càng có vị trí quan trọng. Bởi vì không có một chính sách kinh tế nào, một biến động chính trị - xã hội nào xảy ra ở nước này mà lại không ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến nền kinh tế các nước khác. Học phần Kinh tế quốc tế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Học phần chia thành ba phần lớn: Phần thứ nhất: Học thuyết về thương mại quốc tế; Phần thứ hai: Chính sách thương mại quốc tế; Phần thứ ba: Toàn cầu hóa kinh tế và sự hội nhập của Việt Nam.

Mục tiêu của học phần: Học viên được trang bị các kiến thức về thương mại quốc tế, hiểu tại sao các quốc gia quan hệ thương mại với nhau, các quốc gia cần phải làm gì khi có quan hệ thương mại với nhau, quan hệ thương mại với nhau các quốc gia thu được lợi ích như thế nào; các chính sách chung của các quốc gia và quốc tế trong thương mại quốc tế, các tác động về kinh tế đến các đối tượng có liên quan khi quốc gia sử dụng các rào cản thương mại quốc tế, liên kết kinh tế một trong những xu hướng của kinh tế quốc tế hiện nay; Rèn luyện kỹ năng phân tích về thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực và toàn cầu; Củng cố và hoàn thiện nhân sinh quan, thế giới quan trong

quan hệ thương mại quốc tế của Việt Nam.

10.8. Kinh tế phát triển

Vai trò, vị trí của học phần: Là học phần tự chọn. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, những lý thuyết mô hình, những vấn đề chủ yếu của nền kinh tế các nước đang phát triển, những vấn đề phải đương đầu và những vấn đề đặt ra cho các nước đang phát triển, làm rõ những vấn đề lý luận được áp dụng trong hoạt động kinh tế ở các nước đang phát triển và ở Việt Nam trên con đường phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. Đây là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành.

Nội dung cơ bản của học phần: Trang bị các kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội. Phân tích các nguồn lực để phát triển kinh tế như: vốn, tài nguyên, lao động và khoa học công nghệ, vấn đề nghèo đói, phân phối thu nhập và mất công bằng xã hội, các chính sách tài chính - tiền tệ, ngoại thương, đầu tư và nợ nước ngoài.

Mục tiêu của học phần: Giúp học viên tiếp cận với những chủ đề chính của kinh tế học phát triển và để khám phá những gợi ý chính sách của lý thuyết phát triển, các nghiên cứu thực nghiệm đã và đang diễn ra cho các quốc gia đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa. Môn học sẽ tập trung nghiên cứu các chủ thể mang tính kinh tế, xã hội, môi trường giáo dục, y tế, quản trị, thể chế. Các chủ thể này sẽ được tiếp cận dưới khía cạnh phát triển với mục đích giúp học viên tìm ra một khung phân tích chính sách liên quan cho từng chủ đề khác nhau tạo nền tảng cho việc phân tích tìm ra các gợi ý chính sách phát triển cho những quốc gia như Việt Nam đang đối diện với những thách thức đa dạng trong quá trình công nghiệp hóa; Rèn luyện kỹ năng phân tích về chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới; Củng cố và hoàn thiện nhân sinh quan, thế giới quan về phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và các nước trên thế giới.

10.9. Kinh tế đầu tư

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Kinh tế đầu tư là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Nghiên cứu nâng cao theo hướng tiếp cận ứng dụng vào thực tiễn trong đầu tư phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn của quốc gia.

Nội dung cơ bản của học phần: Những vấn đề cơ bản của đầu tư và phát triển; Nguồn vốn đầu tư; Quản lý và kế hoạch hóa hoạt động đầu tư; Kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển; Môi trường đầu tư; Rèn luyện kỹ năng lập, phân tích, tính toán, kiểm tra các dự án đầu tư, tìm kiếm thu thập thông tin liên quan đến các lĩnh vực đầu tư khác nhau của từng dự án và kỹ năng thuyết trình về dự án; Giúp học viên có thái độ đúng đắn đầy đủ về đầu tư phát triển.

Mục tiêu học phần: Cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế đầu tư, cơ sở khoa học của các vấn đề về kinh tế, tổ chức quản lý, đánh giá kết quả và hiệu quả trong hoạt động đầu tư, phương pháp lập và thẩm định các dự án đầu tư, vấn đề tổ chức và quản lý đầu thầu trong đầu tư, vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.

10.10. Kinh tế lượng

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Kinh tế lượng là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Cung cấp cho học viên cao học các phương pháp kinh tế lượng nâng cao giúp trang bị cho học viên một số phương pháp xử lý dữ liệu phù hợp với các lĩnh vực khác nhau của kinh tế như quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, kinh tế phát triển... Đây là kiến thức nền tảng cần thiết cho người học trong việc xây dựng và phân tích định lượng thông qua các mô hình kinh tế lượng phục vụ việc đánh giá và hoạch định các chính sách trong chuyên ngành có liên quan.

Nội dung cơ bản của học phần: Mô hình hồi quy bội; Mô hình phi tuyến; Mô hình độ trễ thời gian; Mô hình với biến độc lập định tính; Mô hình với biến phụ thuộc lưỡng phân.

Mục tiêu học phần: Trang bị các phương pháp thống kê và các chương trình vi tính dùng để ước lượng các mô hình kinh tế, kiến thức của môn học này rất cần thiết cho học viên làm luận văn tốt nghiệp và hữu ích cho các công trình nghiên cứu khoa học về kinh vực kinh tế. Cung cấp những kiến thức cơ bản về xây dựng, ước lượng, phân tích mô hình một phương trình. Sử dụng mô hình để dự báo khi biết giá trị của biến độc lập nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động kinh tế, kinh doanh, các kiến thức cơ bản cho người học về kỹ thuật sử dụng biến giả trong việc phân tích tác động của biến định tính đối với biến định lượng; Giúp cho người học có thể xây dựng, ước lượng, phân tích, đánh giá và dự báo với mô hình kinh tế lượng. Biết sử dụng một phần mềm chuyên dụng về thống kê và kinh tế lượng như MFIT3, EVIEWS, SPSS...giúp người học biết cách giải quyết bài toán kinh tế thông qua xây dựng mô hình kinh tế lượng và ứng dụng mô hình nhằm phân tích, dự báo để đưa ra các quyết định trong kinh tế và kinh doanh.

10.11. Quản trị chiến lược

Vai trò, vị trí của học phần: Là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp xây dựng các loại chiến lược và quản trị hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp bằng hệ thống chiến lược cho các đơn vị, doanh nghiệp trong điều kiện nền kinh tế chuyển đổi hiện nay.

Nội dung cơ bản của học phần: Giới thiệu chung về quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Chiến lược cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh và cấp chức năng; Mô hình xây dựng và phân tích chiến lược; Lựa chọn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của

quản trị chiến lược bao gồm: môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, các cấp chiến lược, các loại chiến lược trong doanh nghiệp, các kỹ thuật phân tích chiến lược trong doanh nghiệp, và quy trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp. Việc áp dụng quản trị chiến lược không chỉ phục vụ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mà còn cho các doanh nghiệp với qui mô lớn hoặc dưới dạng tổng công ty và tập đoàn kinh doanh.

10.12. Luật kinh tế

Vai trò, vị trí của học phần: Cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về luật kinh tế để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau của kinh tế. Nội dung cơ bản của học phần gồm: Luật Kinh tế Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập; Nhà Kinh doanh trong môi trường cạnh tranh và hội nhập; Doanh nghiệp và tài sản doanh nghiệp; Tranh chấp trong kinh doanh.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho học viên nội hàm của pháp luật kinh tế Việt Nam trong điều kiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường; tác động của hội nhập lên quá trình xây dựng khung pháp luật Việt Nam. Giúp học viên có thể chọn lựa hình thức tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh phù hợp với khả năng của mình. Đồng thời hiểu rõ các trường hợp áp dụng phá sản doanh nghiệp. Thông qua các chế định về đầu tư ở Việt Nam, giúp học viên hiểu biết và chọn lựa hình thức đầu tư hợp pháp. Hiểu biết cách thức thiết lập và thực hiện một giao dịch thương mại bằng hình thức hợp đồng, biết vận dụng các nguyên tắc ký kết và thực hiện hợp đồng trong thương mại tránh sai sót, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hiểu rõ những yêu cầu và cách thức giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh phù hợp với lợi ích mong muốn. Giúp học viên có thái độ thận trọng và tuân thủ pháp luật trong kinh doanh.

10.13. Quản trị học nâng cao

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản trị học nâng cao được thiết kế nhằm nâng cao kiến thức của các nhà quản trị trong việc phát huy tài năng và sức lực của cấp dưới hướng vào thực hiện mục tiêu của công ty và ứng phó hiệu quả với môi trường kinh doanh thay đổi, tính đặc thù của quản lý trong môi trường kinh doanh Việt nam và những thay đổi trong bối cảnh hội nhập quốc tế đòi hỏi các nhà quản trị doanh nghiệp phát triển những kỹ năng quản trị mới trong bối cảnh hiện nay. Học phần Quản trị học nâng cao là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Phát triển kỹ năng quản lý, quản trị và nhà quản trị, những thay đổi trong phong cách quản trị hiện nay, hoạch định, ra quyết định, tổ chức bộ máy doanh nghiệp, giao quyền, giải quyết vấn đề, các kỹ năng lãnh đạo và động viên hiệu quả, ứng dụng những lý thuyết và kỹ năng lãnh đạo và động viên vào thực tế quản lý kinh tế của Việt nam và các tổ chức doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần: Hiểu được quản trị, vai trò nhà quản trị đối với kết quả thực hiện mục tiêu của tổ chức. Nắm được môi trường, văn hóa ảnh hưởng thế nào đến doanh nghiệp. Hiểu và nhận diện được những quyết định quản trị khi ban hành, xác định được

những cách thức ra và triển khai quyết định. Hiểu được các chức năng của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển/lãnh đạo, kiểm tra. Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức; Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng; Hình thành và phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tìm tòi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; Phát triển kỹ năng bình luận, thuyết trình trước công chúng. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về hoạt động của tổ chức trong kinh doanh.

10.14. Quản lý nhà nước về kinh tế

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, có quan hệ mật thiết với các môn học khác thuộc ngành đào tạo. Đây là học phần tổng quát chung về quản lý nhà nước trong tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế. Từ đó, các học phần khác sẽ chia nhỏ thành quản lý nhà nước theo lĩnh vực hẹp hơn như Quản lý thuế, Quản lý thương mại quốc tế, Quản lý tài chính công, Quản lý dự án đầu tư v.v.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế; Qui luật và các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Công cụ và phương pháp quản lý của nhà nước về kinh tế; Thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế; Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế; Cán bộ lãnh đạo trong quản lý nhà nước về kinh tế.

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế: nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế; thông tin và quyết định quản lý; bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế; Năm vững quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quản lý kinh tế. Có kỹ năng thuyết trình những vấn đề về quản lý kinh tế; Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức cũng như điều khiển các hoạt động kinh tế; Có khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về quản lý kinh tế.

10.15. Quản lý dự án đầu tư

Vai trò, vị trí của học phần: Luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án đầu tư, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Đồng thời, môn học cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Học phần Quản lý dự án đầu tư là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư; Quản lý thời gian và tiến độ dự án; Quản lý chi phí dự án đầu tư; Quản lý chất lượng và rủi ro dự án đầu tư.

Mục tiêu học phần: Trang bị kiến thức về quản lý dự án đầu tư dưới góc độ của doanh nghiệp cũng như quản lý nhà nước; hiểu được bản chất của công tác quản lý dự án cũng như vận dụng lý thuyết vào thực hành. Cụ thể: Biết và hiểu rõ các nguyên lý, khái niệm, thuật ngữ chuẩn về quản lý dự án; Có kiến thức cơ bản về vòng đời dự án, các thành phần chính trong dự án, xây dựng dự án và các phương pháp quản lý dự án; Nắm được các kiến thức điển hình trong quản lý dự án; Có kiến thức cơ bản để quản lý dự án dưới góc độ tư nhân cũng như quản lý nhà nước. Có kỹ năng quản lý dự án thông qua ứng dụng các kiến thức được học vào lập dự án, đánh giá dự án và quản lý dự án; Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và khả năng tư duy độc lập; Kỹ năng xây dựng kế hoạch cho một dự án đầu tư; Lựa chọn được mô hình tổ chức quản lý dự án phù hợp với đặc điểm của từng gói thầu; Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết được các vấn đề trong các tình huống đánh đổi mục tiêu của quản lý dự án đầu tư. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về quản lý dự án.

10.16. Quản trị doanh nghiệp

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản trị doanh nghiệp cung cấp những kiến thức cơ bản về các loại hình doanh nghiệp, phương thức quản trị doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm kiến thức về công tác quản trị doanh nghiệp; kiến thức về tổ chức quản lý và đánh giá hiệu quả quản trị doanh nghiệp và công tác lập kế hoạch trong doanh nghiệp. Học phần Quản trị doanh nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp; Nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp; Giám đốc doanh nghiệp; Phân cấp và phân quyền trong quản trị doanh nghiệp; Thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp; Phương pháp quản trị doanh nghiệp; Quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Đổi mới trong quản trị doanh nghiệp.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho học viên những kiến thức về các các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam và thủ tục, trình tự thành lập một doanh nghiệp....; Kiến thức về công tác quản trị doanh nghiệp; Kiến thức về tổ chức quản lý và đánh giá hiệu quả sử dụng các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp và công tác kế hoạch trong doanh nghiệp. Kỹ năng trình bày về doanh nghiệp, kinh doanh; Liệt kê và mô tả được các bước và trình tự tạo lập doanh nghiệp; Vận dụng được kiến thức quản trị trong thảo luận; Hiểu và giải thích được vai trò, đặc điểm, các chỉ tiêu về các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về doanh nghiệp.

10.17. Quản lý tài chính công

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý tài chính công nghiên cứu vai trò và quy mô khu vực công, gồm cơ sở lý luận về sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế (thất bại thị trường và tái phân phối); các công cụ phân tích lý thuyết tài chính công; ngoại tác; phân tích chính sách chi tiêu công, gồm các công cụ phân tích ngân sách, hàng

hóa công, phân tích lợi ích và chi phí, lựa chọn công. Học phần Quản lý tài chính công là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung của học phần: trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là: Huy động vốn tín dụng nhà nước; Tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; Hệ thống ngân sách nhà nước; Cân đối ngân sách nhà nước và quản lý nợ công; Quản lý các quỹ tài chính công tại kho bạc nhà nước; Quản lý tài chính công theo phương thức đầu ra; Quản lý công sản; Chính sách tài chính công của Việt Nam.

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức về chính sách tín dụng của nhà nước; Quản lý ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước, biện pháp xử lý thiếu hụt tạm thời và bội chi ngân sách nhà nước vào thực tiễn quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam; Soạn lập ngân sách theo đầu tư; Phân tích nghiệp vụ quản lý tài chính công qua kho bạc nhà nước, quản lý công sản. Phân tích hoạt động của các quỹ tài chính công (chủ yếu là ngân sách nhà nước), tương tác của nó đến các đối tượng khác nhau trong xã hội; Phân tích đánh giá các tác động mà một chính sách tài khóa có thể gây ra, tác động đến đời sống kinh tế xã hội; Đánh giá, phân tích và lựa chọn hay các phương án chính sách phù hợp trên phương diện mục tiêu chính sách, các hiệu ứng phụ của chính sách. Giúp cho học viên có quan điểm toàn diện về tài chính công.

10.18. Phân tích Kinh tế - Tài chính

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Phân tích kinh tế - tài chính giúp người quản lý nhận thức đúng đắn về thực trạng doanh nghiệp/cơ quan về môi trường kinh doanh, xác định được những mặt mạnh, lợi thế cũng như những yếu kém, tụt hậu, những tiềm năng khác của doanh nghiệp/cơ quan. Qua đó đưa ra được những quyết định phù hợp nhằm thúc đẩy sự phát triển hiệu quả của doanh nghiệp/cơ quan trong thời gian tới.

Học phần Phân tích Kinh tế - Tài chính là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về phân tích Kinh tế - Tài chính; Phân tích kết quả và tình hình sản xuất trong các doanh nghiệp; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh; Phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm

Mục tiêu học phần: Trang bị những vấn đề cơ bản về phân tích Kinh tế - Tài chính doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức đã học có thể phân tích tình hình tài chính của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Sau khi kết thúc môn học, học viên có khả năng đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Học viên có đánh giá chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường biến động.

10.19. Chuyên đề thực tế

Vai trò, vị trí của học phần: Là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng. Học phần cung cấp cho

học viên các kiến thức thực tiễn về quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam; Quản lý nhà nước về thị trường.

Nội dung của chuyên đề: Cung cấp cho học viên các kiến thức thực tiễn quan điểm, công cụ, phương pháp và chính sách kinh tế vĩ mô trong quản lý nhà nước về kinh tế của Việt Nam và thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành, lĩnh vực ở các cấp quản lý khác nhau; Đề xuất giải pháp hoàn thiện đối với công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam nói chung hoặc theo ngành, lĩnh vực ở từng cấp quản lý nói riêng; Thực tiễn Quản lý nhà nước về thị trường từ Trung ương đến địa phương; Tổ chức cho học viên đi thực tế và viết bài thu hoạch; Liên hệ đơn vị và viết báo cáo chuyên đề theo đề tài được giao và trình bày. Chuyên đề có tính liên thông chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành, kiến thức ngành trong chương trình đào tạo để hoàn thiện khối kiến thức chuyên sâu và có khả năng ứng dụng thực tiễn cao phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng.

Mục tiêu chuyên đề: Cung cấp kiến thức thực tiễn về quan điểm, phương pháp, công cụ, chính sách vĩ mô trong quản lý nhà nước về kinh tế tại Việt Nam; Thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành, theo lĩnh vực từ cấp trung ương, tỉnh/thành phố, huyện, xã và sở ban ngành; Quản lý nhà nước về thị trường; Học viên được đi thực tế tại đơn vị và hoàn thành bài thu hoạch; Học viên hoàn thành bài báo cáo chuyên đề theo đề tài được giao. Học viên học xong chuyên đề có khả năng tư duy độc lập, vận dụng thực tiễn vào trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế ở các cấp, ngành, lĩnh vực tại Việt Nam, đặc biệt học viên có thể liên hệ tại cơ quan công tác.

10.20. Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ cung cấp những kiến thức chuyên sâu quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính, tín dụng, thuế, ngân sách nhà nước và thị trường chứng khoán trong nền kinh tế thị trường. Học phần Quản lý nhà nước về Tài chính - Tiền tệ là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Quản lý nhà nước về tài chính; Quản lý ngân sách nhà nước; Quản lý nhà nước về Tín dụng; Quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán.

Mục tiêu học phần: Học viên phải nắm vững những kiến thức lý luận chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ như: Quản lý nhà nước về tài chính, Quản lý nhà nước về tín dụng, Quản lý thuế, Quản lý ngân sách nhà nước và quản lý nhà nước về thị trường chứng khoán. Học viên biết vận dụng các lý luận chuyên sâu về quản lý nhà nước về tài chính - tiền tệ để phân tích và xây dựng chính sách và cơ chế tài chính; nâng cao khả năng dự báo, phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của tài chính - tiền tệ.

10.21. Quản lý thuế

Vai trò, vị trí của học phần: Trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết về

quản lý thuế tổ chức bộ máy quản lý thuế, tổ chức quy trình quản lý thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, dự toán thu thuế, kế toán thuế, thống kê thuế, tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế. Môn học cũng cung cấp cho học viên mô hình tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thu thuế Việt Nam; các quy trình quản lý thuế; các nội dung, phương pháp thanh tra, kiểm tra thuế, quy trình nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra thuế; nội dung, quy trình và phương pháp lập dự toán thu thuế; nội dung và quy trình tuyên truyền, hỗ trợ thuế; nội dung công tác kế toán, thống kê thuế; nội dung công tác quản lý thuế trên máy tính. Học phần Quản lý thuế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về quản lý thuế; Thủ tục thuế; Tổ chức bộ máy thu thuế và quy trình quản lý thuế ở Việt Nam; Dự toán thu thuế; Quản lý Kế khai, Kế toán và thống kê thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế; Dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế và tuyên truyền pháp luật thuế; Quản lý nợ và cưỡng chế thuế; Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế.

Mục tiêu học phần: Nắm được các vấn đề lý luận và các nội dung cơ bản về: quản lý thuế, tổ chức bộ máy thu thuế, quy trình quản lý thuế, dự toán thu thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, kế toán thuế, quản lý ấn chỉ thuế, thống kê thuế, dịch vụ hỗ trợ đối tượng nộp thuế, phân tích, đánh giá các vấn đề phức tạp liên quan đến quản lý thuế. Thực hiện các thao tác nghiệp vụ trong quy trình quản lý như thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế, quản lý ấn chỉ, lập dự toán thu thuế, thực hành quản lý thuế trên máy tính... Phối hợp công việc với người khác trong quản lý thuế, chẳng hạn như kỹ năng phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, kỹ năng phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật... Phân tích, phát hiện và giải quyết các vấn đề về quản lý thuế.

10.22. Quản lý tài sản công

Vai trò, vị trí của học phần: Trang bị cho người học những kiến thức về quản lý tài sản công như phân loại tài sản công, phân cấp quản lý tài sản công, trách nhiệm quản lý của nhà nước ở các cấp về quản lý tài sản công, qui định về mua sắm, sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp, tổ chức nhà nước, chính sách quản lý của nhà nước về tài sản công. Học phần Quản lý tài sản công là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tài sản công và quản lý tài sản công; Quản lý tài sản công khu vực hành chính; Quản lý tài sản công thuộc kết cấu hạ tầng; Quản lý tài sản nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; Quản lý tài chính đối với đất đai và các tài nguyên khác; Định giá tài sản công.

Mục tiêu học phần: Học viên phải nắm vững những kiến thức lý luận chuyên sâu về lĩnh vực quản lý tài sản công. Biết vận dụng các lý luận chuyên sâu về quản lý tài sản công để tổ chức, quản lý cũng như sử dụng hiệu quả tài sản công tại các cơ quan, đơn vị theo đúng qui định.

10.23. Quản lý và phát triển nguồn nhân lực

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trang bị cho người học những kiến thức lý luận chuyên sâu về quản lý và phát triển nguồn nhân lực. Học phần Quản lý và phát triển nguồn nhân lực là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Xu hướng phát triển nguồn nhân lực; Phát triển nguồn nhân lực; Đào tạo nguồn nhân lực; Quản lý nguồn nhân lực.

Mục tiêu học phần: Trang bị các kiến thức về đào tạo, phát triển, quản lý nguồn nhân lực; quá trình quản lý nguồn nhân lực; vai trò then chốt của phát triển nguồn nhân lực trong các tổ chức hoạt động trong bối cảnh môi trường kinh doanh cạnh tranh và thay đổi nhanh; Nắm được những kiến thức cơ bản về phân tích công việc, tuyển chọn, đào tạo, đánh giá kết quả công việc và quản lý hệ thống lương,... trong tổ chức; Phát triển các kỹ năng phân tích công việc, tuyển chọn, đào tạo, đánh giá kết quả công việc và quản lý hệ thống lương,... Học viên có khả năng vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp.

10.24. Quản lý nhà nước về du lịch

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn chuyên sâu về quản lý nhà nước về du lịch. Học phần Quản lý nhà nước về du lịch là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về Quản lý nhà nước về du lịch và ứng dụng vào lĩnh vực phát triển kinh tế - kinh doanh du lịch bền vững có hiệu quả.

Nội dung cơ bản của học phần: Khái quát về quản lý nhà nước về du lịch; Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch ở Việt Nam hiện nay; Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam; Hệ thống các văn bản về du lịch hiện hành ở Việt Nam; Quản lý nhà nước về kinh doanh du lịch; Quản lý nhà nước về nhân lực du lịch; Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Mục tiêu học phần: Học phần được thiết kế để cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý; nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Bao gồm chủ thể, đối tượng quản lý nhà nước về du lịch cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; các nội dung quản lý nhà nước về du lịch như quản lý chiến lược du lịch; quản lý tài nguyên du lịch và xác định tuyến, điểm, khu, đô thị du lịch; quản lý hoạt động kinh doanh du lịch, quản lý tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động du lịch.

10.25. Quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần sẽ bao gồm các kiến thức chuyên sâu về quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của nông nghiệp và nông thôn, môn học đi sâu phân tích các yếu tố của nghiên cứu mô hình nông nghiệp tại nước ta hiện nay, từ đó đưa ra định hướng phát triển nông nghiệp gắn với kinh tế nông thôn. Học phần Quản lý nông nghiệp và phát

triển nông thôn là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn; Các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quản lý theo mô hình hoạt động nông nghiệp ở Việt Nam; Quản lý nông nghiệp gắn liền với phát triển nông thôn bền vững.

Mục tiêu học phần: Trang bị cho người học các nguyên lý kinh tế áp dụng vào nông nghiệp và phát triển nông thôn, vận dụng các nguyên lý của kinh tế sản xuất (tổ chức các loại hình tổ chức kinh tế, tổ chức nguồn lực, các kỹ năng ra quyết định), Kinh tế marketing, Kinh tế thương mại và Kinh tế phát triển áp dụng trong nông nghiệp và phát triển nông thôn. Kỹ năng đánh giá kinh tế nông nghiệp và nông thôn, phân tích và đánh giá các vấn đề kinh tế trong nông nghiệp, các kỹ năng mềm trong làm việc nhóm, thuyết trình, viết báo cáo, những kỹ năng cụ thể trong quản lý các mô hình hoạt động nông nghiệp.

Đồng thời thông qua môn học, học viên biết vận dụng những kiến thức quản lý để giải quyết những vấn đề trong chọn lựa mô hình hoạt động nông nghiệp để gắn với phát triển nông thôn bền vững. Học viên có ý thức cập nhật các chính sách về nông nghiệp và phát triển nông thôn trong từng giai đoạn Việt Nam và các nước trên thế giới.

10.26. Quản lý tài nguyên và môi trường

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần sẽ bao gồm các kiến thức chuyên sâu về quản lý tài nguyên và môi trường. Bên cạnh việc tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của tài nguyên và môi trường, mối quan hệ giữa tài nguyên và môi trường; từ đó đi sâu nghiên cứu về các loại tài nguyên. Đưa ra các hướng quản lý tài nguyên và môi trường. Học phần Quản lý tài nguyên và môi trường là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Tổng quan về tài nguyên và môi trường; Các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý tài nguyên biển đảo; Quản lý tài nguyên nước; Quản lý tài nguyên khoáng sản; Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý tài nguyên không khí.

Mục tiêu học phần: Học phần Quản lý tài nguyên và môi trường là học phần bắt buộc, cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản, nâng cao, cốt lõi về quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường phục vụ phát triển bền vững, cụ thể các khái niệm cơ bản về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là về các dịch vụ hệ sinh thái, môi trường tự nhiên, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, các hệ sinh thái, đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái cũng như các nguyên tắc, nội dung, cách tiếp cận toàn diện, hiện đại về quản lý tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển bền vững.

10.27. Quản lý khoa học và công nghệ

Vai trò, vị trí của học phần: Tiếp cận một cách có hệ thống các vấn đề cơ bản của

khoa học và công nghệ, phân tích các yếu tố của nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và tác động của chúng đối với hoạt động quản lý; sự chuyển giao khoa học và công nghệ tạo nên mối liên kết trong hoạt động quản lý chung. Học phần Quản lý khoa học và công nghệ là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.

Nội dung cơ bản của học phần: Khái quát về khoa học và công nghệ; Môi trường công nghệ; Đánh giá, lựa chọn khoa học và công nghệ; Năng lực khoa học và công nghệ; Chuyển giao khoa học và công nghệ; Đổi mới quản lý khoa học và công nghệ; Quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ.

Mục tiêu học phần: Cung cấp kiến thức cơ bản và hiện đại về khoa học công nghệ và quản lý khoa học công nghệ. Giúp người học có khả năng vận dụng trong đánh giá về khoa học công nghệ, thực hiện hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, thực hiện việc lựa chọn, đổi mới và chuyển giao công nghệ... để đạt được hiệu quả cao khi tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động quản lý vĩ mô. Có kỹ năng phân tích, đánh giá khoa học công nghệ, hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ; kỹ năng lựa chọn, đổi mới và chuyển giao công nghệ; kỹ năng trong quản lý các hoạt động khoa học công nghệ. Giúp người học yêu thích tìm hiểu các vấn đề trong hoạt động quản lý khoa học công nghệ; có tầm nhìn đúng đắn về vai trò, vị trí của khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội.

10.28. Quản lý thương mại quốc tế

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Quản lý thương mại quốc tế là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về quản lý thương mại quốc tế để ứng dụng vào các lĩnh vực khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế xã hội có hiệu quả.

Nội dung cơ bản của học phần: Lý thuyết về thương mại quốc tế; Các phương thức thương mại quốc tế; Các định chế và chủ thể trong thương mại quốc tế; Lý thuyết thương mại quốc tế và các chính sách; Hợp đồng thương mại quốc tế; Vận tải và giao nhận trong thương mại quốc tế; Bảo hiểm trong thương mại quốc tế; Thanh toán trong thương mại quốc tế; Chứng từ trong thương mại quốc tế.

Mục tiêu học phần: Học viên hiểu được nguyên nhân phát sinh hoạt động thương mại quốc tế, mô thức thương mại quốc tế thường được áp dụng như thế nào và lợi ích ra sao, môi trường hoạt động của thương mại quốc tế, các quốc gia vận dụng chính sách thương mại quốc tế như thế nào để mang lại lợi ích tối ưu cho nền kinh tế. Trên cơ sở đó, học viên hiểu được các xu hướng phát triển của thương mại quốc tế, từ đó tìm hiểu các định chế hợp tác kinh tế quốc tế phù hợp với điều kiện hội nhập khu vực và toàn cầu để vận dụng hợp lý, có hiệu quả vào thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam. Có kỹ năng phân tích các mô hình thương mại giữa các quốc gia trên thế giới, phân tích chính sách thuế quan, chính sách thương mại của các quốc gia trên thế giới, phân tích bản chất và tác động của các liên kết kinh tế quốc tế trên thế giới; Có tư duy năng động và sáng tạo, nhận

thức đúng đắn về tầm quan trọng và bản chất của môn học trong bối cảnh mới của nền kinh tế thế giới, hình thành định hướng nghiên cứu về quan hệ thương mại và thương mại quốc tế, hỗ trợ cho các học phần kiến thức ngành.

10.29. Tâm lý lãnh đạo quản lý

Vai trò, vị trí của học phần: Học phần Tâm lý học lãnh đạo quản lý là một trong 10 học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành của ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho học viên cao học các kiến thức nâng cao về tâm lý học lãnh đạo quản lý để ứng dụng vào các lĩnh vực quản lý khác nhau.

Nội dung của học phần: Những vấn đề chung về tâm lý học và tâm lý học lãnh đạo, quản lý; Khái niệm quản lý và lãnh đạo; Những hiện tượng tâm lý trong hoạt động lãnh đạo, quản lý; Những đặc điểm tâm lý - nhân cách của người lãnh đạo quản lý; Uy tín của người lãnh đạo; Những yếu tố tâm lý trong công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ; quản lý các quá trình kinh tế - xã hội hiện nay.

Mục tiêu học phần: Nhận thức về các quy luật và cơ chế vận hành các quy luật tâm lý, tâm lý xã hội của cá nhân và nhóm người trong môi trường hoạt động quản lý, nắm được các kiến thức về tâm lý xã hội phổ biến trong tập thể, những khía cạnh tâm lý trong công tác tổ chức, nắm được các kiến thức về hoạt động, giao tiếp, nhân cách nhà quản lý, động cơ người lao động, cơ sở tâm lý học của việc nâng cao hiệu quả quản lý; Có kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết các tình huống, kỹ năng quản lý nhóm, tập thể, đánh giá, tuyển chọn, sắp xếp các thành viên trong một tổ chức, vận dụng các kỹ năng lãnh đạo quản lý vào thực tiễn của đơn vị doanh nghiệp; Có thái độ, ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, với lãnh đạo, cộng đồng trong công việc và hoạt động xã hội.

10.30. Thực tập

Vai trò, vị trí của học phần: Là học phần kiến thức ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý nhà nước về kinh tế. Học phần giúp học viên tìm hiểu những kiến thức thực tiễn về ngành/chuyên ngành đào tạo tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo chủ đề nghiên cứu. Đây là học phần điều kiện để học viên tiếp tục đăng lý đề tài và làm đề án tốt nghiệp.

Nội dung của học phần: Nội dung nghiên cứu theo chủ đề học viên lựa chọn phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo.

Mục tiêu học phần: Học phần giúp người học tìm hiểu khái quát thực tiễn quá trình thành lập và phát triển hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp/địa phương. Từ đó, người học phát hiện các vấn đề tồn tại trong hoạt động quản lý kinh tế của đơn vị thực tập để đề xuất đề tài đề án tốt nghiệp phù hợp với ngành đào tạo. Người học thực tập tại cơ quan/doanh nghiệp/địa phương để tìm hiểu thực tiễn hoạt động quản lý của đơn vị, phát hiện các hạn chế trong hoạt động của đơn vị để đề xuất đề tài đề án tốt nghiệp.

10.31. Đề án tốt nghiệp

Vai trò, vị trí của học phần: Là học phần kiến thức ngành bắt buộc trong chương

trình đào tạo thạc sĩ Quản lý nhà nước về kinh tế. Học phần giúp học viên liên hệ kiến thức lý luận của ngành đã học vào thực tiễn cụ thể tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp theo chủ đề tự chọn.

Nội dung của học phần: Nội dung nghiên cứu theo chủ đề học viên lựa chọn phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo.

Mục tiêu học phần: Học viên hoàn thành đề án theo đề tài đã được duyệt và bảo vệ thành công trước Hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp.

11. Các chương trình, tài liệu tham khảo

- Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục Đại học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Trường Đại học Hải Dương, Quyết định số 114/QĐ-ĐHHD, ngày 05/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ.
- Trường Đại học Hải Dương, Quyết định số 555/QĐ-ĐHHD, ngày 28/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Hải Dương.
- Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của các trường đại học: Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Thương mại; Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ
TRƯỞNG KHOA**



TS. Lê Thị Nguyệt

**PHÒNG ĐÀO TẠO SĐH
TRƯỞNG PHÒNG**



TS. Nguyễn Phương Ngọc

HIỆU TRƯỞNG



TS. Tạ Thị Thúy Ngân